

Số: 1176/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 11 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục các dự án kêu gọi đầu tư nhằm thực hiện kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, sạt lở bờ biển, bờ sông giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo số 461-TB/TU ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Tỉnh ủy Kiên Giang về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về danh mục các dự án kêu gọi đầu tư thực hiện kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, sạt lở bờ biển, bờ sông giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 37/TTr-SKHĐT ngày 17/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục dự án kêu gọi đầu tư nhằm thực hiện kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, sạt lở bờ biển, bờ sông giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, với tổng số dự án kêu gọi đầu tư là 55 dự án (đính kèm danh mục), phân theo nhóm và lĩnh vực đầu tư như sau:

1. Lĩnh vực giao thông: 14 dự án.
2. Lĩnh vực nông nghiệp và thủy lợi: 15 dự án
3. Lĩnh vực cấp nước: 20 dự án.



4. Lĩnh vực thoát nước: 2 dự án.
5. Lĩnh vực xử lý nước thải: 03 dự án.
6. Lĩnh vực xử lý chất thải rắn: 01 dự án.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức công bố danh mục các dự án tại Điều 1 của Quyết định này; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *T.Đ.Đ.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, cvquoc.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



T.Đ.Đ.



Lâm Minh Thành


BẢNG TỔNG HỢP DỰ ÁN CHỐNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, NƯỚC BIỂN DÂNG, SẠT LỠ BỜ BIỂN
KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 11 tháng 05 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Quy mô (ha)	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Số quyết định phê duyệt quy hoạch		Hiện trạng khu đất	Ghi chú
						Quy hoạch sử dụng đất	Quy hoạch xây dựng; Quy hoạch ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A Về gia thông									
I Đường bộ									
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển phía tây đảo Phú Quốc, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Phú Quốc	Góp phần hình thành tuyến đường kết nối ven biển nhằm tạo thuận lợi trong xử lý các tình huống ứng phó với thiên tai và tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh khu vực	Dài 3,1km, đường cấp II đồng bằng, chiều rộng nền, mặt đường rộng 22.5 - 26m	2200		Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu đô thị Dương Đông, tỷ lệ 1/2000		Điểm đầu giao với Mũi Gành Dầu; điểm cuối giao với Mũi Gành Giò
2	Dự án chống sạt lở đường tỉnh ĐT965	U Minh Thượng	Khắc phục tình trạng sạt lở, lún nứt trên tuyến đường tỉnh ĐT 965, nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại của người dân và các công trình đường bộ; phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa, lương thực, đảm bảo cho các hoạt động phòng chống cháy rừng	Dài 4.500mđ, sử dụng bê tông cốt thép, nạo vét hướng đảm bảo giao thông thủy kết hợp với trồng cây bảo vệ	100		Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh KG giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Theo hiện trạng tỉnh lộ	Điểm đầu giao với Quốc lộ 63 (Km37+294), xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng; điểm cuối giao với Hồ Hoa Mai, Phường Quốc gia U Minh Thượng
3	Dự án chống sạt lở đường tỉnh ĐT962	Gò Quao	Khắc phục tình trạng sạt lở, nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT962; kết nối huyện Gò Quao với tỉnh Bạc Liêu phục vụ nhu cầu đi lại vận chuyển hàng hóa của người dân, từng bước thích ứng với chống biến đổi khí hậu	Dài 11 km, Kè bê tông cốt thép kết hợp nâng cấp mở rộng tuyến đường dài 11km	100		Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh KG giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Theo hiện trạng tỉnh lộ	Điểm đầu giao với Quốc lộ 61 (km60+794) huyện Gò Quao, điểm cuối bên phải cầu Đò (giáp ranh tỉnh Bạc Liêu)
4	Dự án đường ĐT965B (từ ĐT 965 đến ĐT 964)	An Minh	Khắc phục tình trạng sạt lở, nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT965B; phục vụ nhu cầu đi lại vận chuyển hàng hóa của người dân, từng bước thích ứng với chống biến đổi khí hậu	Dài 20.000mđ Kè bê tông cốt thép kết hợp nâng cấp mở rộng tuyến đường dài 20km	200		Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh KG giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030		Điểm đầu giao với ĐT.965, xã A Minh Bắc huyện U Minh Thượng; điểm cuối giao với ĐT.964 xã Văn Khánh, huyện An Minh

5	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.965C (Vinh Thuận - Kinh 2 - Minh Thuận)	Vinh Thuận - U Minh Thượng	Đây là tuyến đường kết nối giữa hai huyện Vinh Thuận và U Minh Thượng; phục vụ nhu cầu đi lại vận chuyển hàng hóa của người dân, từng bước thích ứng với chống biến đổi khí hậu.	Dài 15km, đường cấp IV đồng bằng. Chiều rộng nền đường 9m; trong đó: Chiều rộng mặt đường 7m; chiều rộng lề đường 1m x 2 bên (gia cố 0.5 x 2 bên). Mặt đường bê tông nhựa	300		Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh KG giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Theo hiện trạng tỉnh lộ	Điểm đầu giao với Quốc lộ 63 (cầu Vinh Thuận), huyện Vinh Thuận, điểm cuối ĐT.965 xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng
6	Dự án nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.969 (Quốc lộ 80 - cầu Hòn Sóc)	Hòn Đất	Đây là tuyến đường chuyên dùng, vừa phục vụ cho việc vận chuyển và khai thác đá tại xã Thổ Sơn, vừa là đường dẫn đến khu di tích lịch sử và khu du lịch Hòn Mẹ của huyện Hòn Đất; từng bước thích ứng với chống biến đổi khí hậu.	Dài 3,9km, đường cấp III đồng bằng. Chiều rộng nền đường 12m; trong đó: Chiều rộng lề đường 2.5m x 2 bên (gia cố 2 x 2 bên). Mặt đường bê tông nhựa	60		Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh KG giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Theo hiện trạng tỉnh lộ	Điểm đầu giao với Quốc lộ 80, điểm cuối giao với cầu Hòn Sóc
7	Dự án đường tỉnh ĐT.970 (kênh Tám Ngán)	Hòn Đất	Đây là dự án liên kết vùng, kết nối với đường tỉnh ĐT.958 (phía An Giang), là trục giao thông quan trọng ở phía tây địa bàn huyện Hòn Đất, có vai trò kết nối, trao đổi vận chuyển hàng hóa, nông sản, từng bước thích ứng với chống biến đổi khí hậu.	Dài 18,5km, đường cấp III đồng bằng. Chiều rộng nền đường 12m; trong đó: Chiều rộng mặt đường 7m; chiều rộng lề đường 2.5m x 2 bên (gia cố 2 x 2 bên). Mặt đường bê tông nhựa	300		Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh KG giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Theo hiện trạng tỉnh lộ	Điểm đầu giao với Cầu Tám Ngán Quốc lộ 80 (Km162+700), điểm cuối Cầu Ninh Phước (giáp ranh tỉnh An Giang)
8	Dự án đường tỉnh ĐT.967 (Thứ Bảy - giáp Cà Mau)	An Minh	Đây là trục xương sống của huyện An Minh, kết nối nhu cầu giao thông trên toàn huyện đi QL.63 theo hướng Bắc và đi Cà Mau theo hướng Nam; phục vụ nhu cầu đi lại vận chuyển hàng hóa của người dân, từng bước thích ứng với chống biến đổi khí hậu	Dài 29km, đường cấp IV đồng bằng. Chiều rộng nền đường 9m; trong đó: Chiều rộng mặt đường 7m; chiều rộng lề đường 1m x 2 bên (gia cố 0.5 x 2 bên). Mặt đường bê tông nhựa	280		Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh KG giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Theo hiện trạng tỉnh lộ	Điểm đầu giao với Cầu Thứ Bảy mới (giao với Quốc lộ 63 - Km24+000), điểm cuối giao với Cầu Ngã Bát (giáp ranh tỉnh Cà Mau)
9	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.968 (Chín Rươi - Xẻo Nhàu)	An Minh	Kết nối cảng cá Xẻo Nhàu với đường hành lang ven biển phía Nam, có vai trò trao đổi vận chuyển hàng hóa, hành khách và hàng nông sản, từng bước thích ứng với chống biến đổi khí hậu.	Dài 11,7km, đường cấp III đồng bằng. Chiều rộng nền đường 9m; trong đó: Chiều rộng mặt đường 7m; chiều rộng lề đường 1m x 2 bên (gia cố 0.5 x 2 bên). Mặt đường bê tông nhựa	164		Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh KG giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Theo hiện trạng tỉnh lộ	Điểm đầu giao với Đường hành lang ven biển (Km70+068), điểm cuối giao với Cảng cá Xẻo Nhàu, huyện An Minh
II	Đường thủy nội địa								

1. Nạo vét tuyến kênh phụ trợ kết nối với tuyến đường thủy quốc gia									
1.1	Kênh Xáo Nhầu		Kết nối vùng cảng Xéo Nhầu, đô thị mới Xéo Nhầu, cụm công nghiệp Xéo Nhầu với trung tâm huyện An Minh là thị trấn Thứ Mười Một, đảm bảo khả năng thoát nước cho khu vực	Dài 12,5km, quy hoạch tuyến đạt cấp IV-ĐTND, tuyến có thể khai thác hiệu quả đối với đoàn sà lan 2x100T và phương tiện thủy nội địa có tải trọng đến 100T. Tiến hành nạo vét toàn tuyến (L=12.5km) đạt cấp IV-ĐTND: sâu >=2.8m; rộng >=25m	15		Quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 13/12/2014 phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Theo hiện trạng kênh	Điểm đầu giao với kênh Tân Bàng Cán Gáo (Xéo Rô), điểm cuối giao với Cảng cá Xéo Nhầu
1.2	Kênh Lung Lớn 2	Bình An - Bình Trị	Phục vụ 2 cảng chuyên dùng để vận chuyển xi măng và đá khai thác; đảm bảo khả năng thoát lũ cho khu vực	Dài 14,5km, quy hoạch tuyến đạt cấp III-ĐTND, tuyến có thể khai thác hiệu quả đối với đoàn sà lan 2x400T và phương tiện thủy nội địa có tải trọng đến 300T. Tiến hành nạo vét toàn tuyến (L=14.5km) đạt cấp III-ĐTND: sâu >=3m, rộng >=35m; xây dựng thay thế công trình công Bình An bằng âu thuyền đảm bảo phương tiện 300T có thể lưu thông trên tuyến, lắp đặt trung thiết bị hàng giang cho tuyến có thể khai thác vận tải 24/24H.	18		Quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 13/12/2014 phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Theo hiện trạng kênh	Điểm đầu giao với Công Bình An; điểm cuối giao với kênh Lung Lớn
1.3	Kênh Vĩnh Tế		An ninh quốc phòng, phân dòng điều tiết lũ từ vùng đầu nguồn Sông Tiền, Sông Hậu giao lưu hàng hóa với các cụm dân cư vùng sâu, vùng xa sát biên giới	Dài 2,7km, quy hoạch tuyến đạt cấp IV-ĐTND, tuyến có thể khai thác hiệu quả đối với đoàn sà lan 2x100T và phương tiện thủy nội địa có tải trọng đến 100T. Tiến hành nạo vét toàn tuyến (L=2.7km) đạt cấp IV-ĐTND: sâu >=2.8m; rộng >=25m	3,5		2834/QĐ-UBND ngày 13/12/2014 phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Theo hiện trạng kênh	Điểm đầu giao với cầu Mệt Lung; điểm cuối giáp ranh Anh Giang
1.4	Kênh Lung Lớn	Kiên Bình - Bình Trị	Phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa, tăng thị phần vận tải đường thủy nội địa, đảm bảo khả năng thoát lũ của khu vực	Dài 2,5km, quy hoạch tuyến đạt cấp V-ĐTND, tuyến có thể khai thác hiệu quả đối với tàu tự hành 50-100T. Tiến hành nạo vét toàn tuyến (L=2.5km) đạt cấp V-ĐTND: sâu >=2.2m, rộng >=15m	2,5		Quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 13/12/2014 phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Theo hiện trạng kênh	Điểm đầu giao với kênh Rach Giá - Hà Tiên; điểm cuối giao với Kênh Lung Lớn 2

1,5	Nạo vét các tuyến đường thủy nội địa địa phương		Phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa, tăng thị phần vận tải đường thủy nội địa, đảm bảo khả năng thoát nước cho khu vực	Tiến hành nạo vét đảm bảo đạt cấp kỹ thuật của tuyến kênh	200				
B	Nông nghiệp - Thủy lợi								
1	Chống sạt lở bờ đảo	Khu vực Bãi Nam, xã Hòn Nghệ, huyện Kiên Lương	Bảo vệ đường giao thông, nhà cửa công trình quanh đảo	0,48	60	Số 764/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Số 2264/QĐ-UBND ngày 03/10/2019	Đường giao thông, nhà cửa công trình quanh đảo	
2	Chống sạt lở bờ biển	Từ đồn biên phòng cũ qua chùa Vạn Hòa và khu vực Mũi Dừa, xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương	Bảo vệ đường giao thông, nhà cửa công trình, vườn cây ven biển	0,55	35	Số 764/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Số 2264/QĐ-UBND ngày 03/10/2019	Đường giao thông, nhà cửa công trình, vườn cây ven biển	
3	Chống sạt lở bờ biển	Khu vực Bãi Dương (02 đoạn): Từ dốc nhà nghỉ Đồi Xanh đến trước mặt khách sạn Mỹ Lan và từ quán Thanh Nhân đến hết quán Eo Biển, ấp Bãi Giếng, xã Bình An, huyện Kiên Lương	Bảo vệ đường giao thông, nhà cửa công trình, vườn cây ven biển	0,2	30			Đường giao thông, nhà cửa công trình, vườn cây ven biển	
4	Chống sạt lở bờ đảo	Tổ 9, ấp Hòn Hèo, xã Sơn Hải, huyện Kiên Lương	Bảo vệ đường giao thông quanh đảo	0,03	4,5	Số 764/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Số 2264/QĐ-UBND ngày 03/10/2019	Đường giao thông quanh đảo	
5	Chống sạt lở bờ biển từ cầu t	Mặt Nam ấp Hòn Hèo, xã Sơn Hải, huyện Kiên Lương	Bảo vệ bờ biển và xây dựng khu dân cư	0,1	76	Số 764/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Số 2264/QĐ-UBND ngày 03/10/2019	Đường giao thông quanh đảo	

6	Kè xử lý sạt lở bờ Tây kênh Ông Hiến (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân)	P. Vĩnh Bảo, TPRG, KG	Bảo vệ chống sạt lở bờ có tác dụng tích cực đến việc thoát lũ, giao thông thủy và góp phần chỉnh trang đô thị, tạo cảnh quan đô thị	0,5 ha (DxR=500x10=5.000m ²)	120	Chưa có quy hoạch sử dụng đất	Số 32/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của UBND thành phố Rạch Giá về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu LIA'S 4, phường Vĩnh Bảo, phục vụ cho dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long (MDR-UUP) - Tiêu dự án thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500	Bờ kênh bị sạt lở đan xen với nhà sàn của người dân	
7	Kè xử lý sạt lở bờ Tây kênh Ông Hiến (từ đường Sư Thiện Ân đến đường Lạc Hồng)	P. Vĩnh Bảo và Vĩnh Lạc, TPRG, KG	Bảo vệ chống sạt lở bờ có tác dụng tích cực đến việc thoát lũ, giao thông thủy và góp phần chỉnh trang đô thị, tạo cảnh quan đô thị	1,0 ha (DxR=1.000x10=10.000m ²)	210	Chưa có quy hoạch sử dụng đất	Số 234/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô 63ha	Bờ kênh bị sạt lở đan xen với nhà sàn của người dân	
8	Kè xử lý sạt lở bờ Tây kênh Rạch Giá - Hà Tiên (từ đường Lê Lai đến Cầu Số 1)	P. Vĩnh Thanh và Vĩnh Quang, Tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Bảo vệ chống sạt lở bờ có tác dụng tích cực đến việc thoát lũ, giao thông thủy và góp phần chỉnh trang đô thị, tạo cảnh quan đô thị	1,5 ha (DxR=1.500x10=15.000m ²)	300	Chưa có quy hoạch sử dụng đất	Số 525/QĐ-UBND ngày 14/5/2007 của UBND tỉnh KG về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Nạn Vĩnh Thanh, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/1000; Số 2545/QĐ-UB ngày 13/11/2001 của UBND tỉnh KG về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Bắc Vĩnh Thanh, phường Vĩnh Thanh, thị xã Rạch Giá, tỉnh KG, tỷ lệ 1/1000	Bờ kênh bị sạt lở đan xen với nhà sàn của người dân	

9	Kè chống sạt lở vành đai Nam Đông Hồ (Cầu phao cũ - cầu cây Mến)	phường Tô Châu	Hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng, bảo vệ chống sạt lở bờ sông, tôn tạo chỉnh trang cảnh quan đô thị, phát triển du lịch, bảo đảm quốc phòng, an ninh, chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng.	1.672m	160	Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND thành phố Hà Tiên	Hiện trạng chưa có kè chắn đất, bảo vệ vành đai bằng đường đất sỏi đỏ, dễ bị sạt lở do mưa bão
10	Kè chống sạt lở kênh Đồn Tả (Cầu Đồn Tả - TL28)	phường Pháo Đài	Tạo cảnh quan môi trường, bảo vệ chống sạt lở bờ sông, bảo vệ khu dân cư, chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng	3.671m	360	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 của UBND thành phố Hà Tiên	Hiện trạng công trình đã có đường giao thông sỏi đỏ và có kênh Đồn Tả để thoát nước mưa
11	Kè chống sạt lở hai bên bờ Cừ Đút, phường Đông Hồ	phường Đông Hồ	Chống sạt lở bờ sông, bảo vệ tuyến đảo dân cư 2 bên bờ sông và khu sinh thái đầm Đông Hồ. Chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng.	3.200m	300	Quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ (phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040)	Hiện trạng có đoạn đã có kè chống sạt lở, nhưng đã xuống cấp và đoạn còn lại chưa có kè, bảo vệ bờ sông bằng đất bồi tự nhiên.
12	Kè chống sạt lở bãi biển Vịnh Thuận Yên (Mũi Ông Cọp - tượng đài Mạc Cửu)	xã Thuận Yên - TP Hà Tiên	Chống sạt lở bờ biển, tôn tạo chỉnh trang cảnh quan đô thị, phát triển du lịch. Chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng.	6.300m	640	Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND thành phố Hà Tiên; Quyết định số 2680/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND thành phố Hà Tiên	Hiện trạng bờ biển chưa có kè chống sạt lở, bảo vệ bờ biển bằng cát bồi tự nhiên.
13	Kè chống sạt lở bờ biển Pháo Đài (từ núi Hoành Tầu đến cột mốc 314)	phường Pháo Đài	Chống sạt lở bờ biển, tôn tạo chỉnh trang cảnh quan đô thị, phát triển du lịch. Chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng.	4.800m	500	Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của UBND thành phố Hà Tiên	Hiện trạng có đoạn đã có kè chống sạt lở, nhưng đã xuống cấp và đoạn còn lại chưa có kè, bảo vệ bờ sông bằng đất bồi tự nhiên.

14	Kè chống sạt lở xã đảo Tiên Hải	xã Tiên Hải	Chống sạt lở bờ biển, tôn tạo chỉnh trang cảnh quan đô thị, phát triển du lịch, bảo vệ chủ quyền biển đảo. Chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng.	2.200m	240		Quyết định số 445a/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 của UBND thành phố Hà Tiên	Hiện trạng công trình kè đá, công trình đưa vào sử dụng được nhiều năm, đến nay đã xuống cấp, có khả năng bị sạt lở do mưa bão	
15	Kè chống sạt lở bảo vệ trung tâm thành phố (núi Pháo Đài - cầu Mương Đào)	TP. Hà Tiên	Chống sạt lở bờ sông, bảo vệ trung tâm thành phố, tôn tạo chỉnh trang cảnh quan đô thị, phát triển du lịch, chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng.	1.900m	200		Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND thành phố Hà Tiên; Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 của UBND thành phố Hà Tiên	Hiện trạng công trình kè bê tông cốt thép, công trình đưa vào sử dụng được nhiều năm, đến nay đã xuống cấp, có khả năng bị sạt lở do mưa bão.	
C	Cấp nước, thoát nước								
I	Cấp nước								
1	Xây dựng nhà máy cấp nước Thới An, xã Thới Quán	xã Thới Quán, huyện Gò Quao	Phục vụ cung cấp nước cho sinh hoạt đảm bảo an toàn sức khỏe cho người dân thuộc các ấp: Thới An, Thới Khương, Thới Đông, Thới Bình, Khương Bình và một phần xã Thủy Liễu: ấp Hiệp An, Hòa An, Thạnh Hòa 3	Công suất thiết kế: 1,200 m ³ /ngày, diện tích 13ha	15	Số 727/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang	Số 5713/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện Gò Quao	Đã có quy hoạch sử dụng đất, thời gian khai thác 50 năm, phù hợp với phát triển KTXH của huyện	
2	Mở rộng hệ thống cấp nước TP. Rạch Giá	TP. Rạch Giá	Tạo cho người dân có ý thức sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.	20.000 m ³ /ngày đêm			Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Kiên Giang đến năm 2025		Hiện hữu công suất 50.000 m ³ /ngày đêm đến năm 2020 nâng công suất lên 70.000 m ³ /ngày đêm đã giao Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Việt Thành đầu tư

3	Xây mới Nhà máy nước Nam Rạch Giã	Tp. Rạch Giã		10.000 m ³ /ngày đêm			Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Kiên Giang đến năm 2025	Xây mới với công suất nhà máy nước 20.000 m ³ /ngày đêm đã đóng góp ý kiến thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo.
4	Nâng công suất nhà máy nước Hà Tiên	Tp. Hà Tiên		9.500 m ³ /ngày đêm			Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Kiên Giang đến năm 2025	Hiện hữu công suất khai thác 10.500 m ³ /ngày đêm, công suất theo quy hoạch đến năm 2020 nâng công suất lên 20.000 m ³ /ngày đêm, đang kêu gọi đầu tư.
5	Dự án nhà máy nước Cửa Cạn	TP. Phú Quốc	Tạo cho người dân có ý thức sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.	20.000 -50.000 m ³ /ngày đêm			Số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 phê duyệt Điều chỉnh QHXCĐ đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030	Kêu gọi đầu tư
6	Dự án nhà máy nước Rạch Cú			8.000 m ³ /ngày đêm				
7	Dự án nhà máy nước Rạch Trâm			10.000 m ³ /ngày đêm				
8	Dự án nhà máy nước Suối Lớn			15.000 m ³ /ngày đêm				
9	Nhà máy nước Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp		2.000 m ³ /ngày đêm			Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Kiên Giang đến năm 2025	Hiện hữu công suất khai thác 2.000 m ³ /ngày đêm, công suất theo quy hoạch đến năm 2020 nâng công suất lên 3.000 m ³ /ngày đêm, đang kêu gọi đầu tư.

10	Nâng công suất trạm cấp nước An Biên	huyện An Biên		1.000 m ³ /ngày đêm			Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Kiên Giang đến năm 2025		Hiện hữu công suất khai thác 5.000 m ³ /ngày đêm, công suất theo quy hoạch đến năm 2020 nâng công suất lên 5.000 m ³ /ngày đêm, đang kêu gọi đầu tư.
11	Xây dựng Nhà máy nước thị trấn Thứ Bảy	huyện An Biên	Tạo cho người dân có ý thức sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.	2.000 m ³ /ngày đêm			Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Kiên Giang đến năm 2025		Chưa thực hiện, đang kêu gọi đầu tư
12	Nâng công suất TCN Giồng Riềng	huyện Giồng Riềng		4.000 m ³ /ngày đêm					
13	Nâng công suất TCN Thuận Hưng	Thuận Hưng		1.000 m ³ /ngày đêm					
14	Nâng công suất TCN Gò Quao	huyện Gò Quao		1.000 m ³ /ngày đêm					
15	Nâng công suất TCN Định An	Định An, Gò Quao		2.000 m ³ /ngày đêm					
16	Xây dựng TCN Bình Minh	Bình Minh		1.000 m ³ /ngày đêm					
17	Nâng công suất TCN Vĩnh Thuận	Vĩnh Thuận		3.000 m ³ /ngày đêm					
18	Nâng công suất TCN Vĩnh Phú	Vĩnh Phú		1.000 m ³ /ngày đêm					
19	Nâng công suất TCN Hòn Tre	Hòn Tre		1.000 m ³ /ngày đêm					
20	Nâng công suất TCN An Sơn	An Sơn		1.000 m ³ /ngày đêm					
II	Thoát nước								
1	Xây dựng mới, thay thế các tuyến công thuộc các dự án cải tạo chống ngập úng và các dự án phát triển đô thị, hoàn thiện đồng bộ hệ thống thoát nước thành phố Rạch Giá	Tp Rạch Giá	Hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải đô thị, nhằm kiểm soát ngập úng, bảo vệ môi trường, bảo vệ và tái sử dụng tài nguyên nước, thích ứng biến đổi khí hậu, thúc đẩy phát triển kinh tế XI.	5.934,67	4.400,4	Chưa có quy hoạch sử dụng đất	Số 1669/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kiên Giang ngày 17/7/2020 phê duyệt Quy hoạch thoát nước thành phố RG tỉnh KG đến năm 2025		
2	Hệ thống xử lý nước thải thành phố RG (tại các phường Vĩnh Thanh, Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Bảo, Vĩnh Lạc (Q = 20,000m ³ /ngày, Q = 11,000m ³ /ngày, Q = 18,000m ³ /ngày, Q = 8,000m ³ /ngày)	Tp Rạch Giá	Hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải đô thị, nhằm kiểm soát ngập úng, bảo vệ môi trường, bảo vệ và tái sử dụng tài nguyên nước, thích ứng biến đổi khí hậu, thúc đẩy phát triển kinh tế XI.	57.000 m ³ /ngày	900	Chưa có quy hoạch sử dụng đất	Số 1888/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kiên Giang ngày 24/8/2018 phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh KG		

D	Xử lý rác thải rắn								
1	Dự án xử lý nước thải tại Phú Quốc	Nhà máy xử lý nước thải Dương Đông	Hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải đô thị, nhằm kiểm soát ngập úng, bảo vệ môi trường, bảo vệ và tái sử dụng tài nguyên nước, thích ứng biến đổi khí hậu, thúc đẩy phát triển kinh tếXH.	Q= 30.000 m3/ngày, F=17ha (bao gồm cả khu control master)			Số 633/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 11/5/2010 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc tỉnh Kiên Giang đến năm 2020		
		KDL Bãi Dài		Q= 4.000 m3/ngày, F=4ha					
		KĐT Hàm Ninh, Bãi Vòng		Q= 3.000 m3/ngày, F=3ha					
		KĐT An Thới, Bãi Trường		Q= 25.000 m3/ngày F=17ha (bao gồm cả khu control master).					
		KDL Mũi Đất Đỏ		Q= 4.000 m3/ngày, F=4ha					
2	Dự án xử lý nước thải Phú Quốc (tại phường Dương Đông) đầu tư hệ thống thu gom và các khu, cụm xử lý nước thải theo quy hoạch được duyệt với công nghệ tiên tiến, nhằm giảm thiểu những tác nhân gây ô nhiễm môi trường	phường Dương Đông, Tp Phú Quốc		Chiều dài tuyến 59,412m; công suất 20,000 m3/ngày đêm			Số 1888/QĐ-UBND của UBND tỉnh KG ngày 24/8/2018 phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh KG		
3	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Hà Tiên	Thành phố Hà Tiên	Hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải đô thị, nhằm kiểm soát ngập úng, bảo vệ môi trường, bảo vệ và tái sử dụng tài nguyên nước, thích ứng biến đổi khí hậu, thúc đẩy phát triển kinh tếXH.	11,500 m3/ngày đêm			Số 1888/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kiên Giang ngày 24/8/2018 phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh KG		
4	Khu xử lý chất thải rắn Phú Quốc	xã Cửa Dương, Phú Quốc	Thúc đẩy phát triển các hoạt động tái sử dụng, tái chế và tiêu hủy chất thải sinh hoạt góp phần giảm thiểu lượng chất thải, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và sức khỏe con người vì mục tiêu phát triển bền vững	150-200 tấn / ngày	337		Số 1418/QĐ-UBND ngày 06/7/2012 của UBND tỉnh Kiên Giang		